

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH  
NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

**A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Chinese Language
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	5220204
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6. Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	139 tín chỉ
9. Khoa quản lý:	Khoa Tiếng Trung
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Trung
11. Website:	<a href="http://khoatrung.ufl.udn.vn">http://khoatrung.ufl.udn.vn</a>
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	<p>Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.</li><li>- Tích lũy đủ 139 tín chỉ.</li><li>- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2.00 trở lên.</li><li>- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.</li><li>- Có chứng chỉ tin học theo quy định</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định:</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có chứng chỉ năng lực tiếng Trung bậc 4.</li> <li>○ Có chứng chỉ ngoại ngữ 2 bậc 2.</li> </ul>
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	<p>1) Đảm nhận được công việc hoặc vị trí công tác cấp chuyên viên đối ngoại tại các cơ quan phục vụ đối ngoại, các sở ngoại vụ, tổ chức phi chính phủ, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế, trung tâm, công ty dịch thuật.</p> <p>2) Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các công ty, cơ quan ngoại giao, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế.</p> <p>3) Chuyên viên giao dịch khách hàng Trung Quốc tại các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc hoặc có đối tác Trung Quốc.</p> <p>4) Chuyên viên nghiệp vụ bán hàng, dịch vụ khách hàng, marketing, hành chính – tổng vụ cho các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc hoặc có đối tác Trung Quốc.</p> <p>5) Chuyên viên lễ tân tại các khách sạn, nhà hàng có khách là người Trung Quốc.</p> <p>6) Hướng dẫn viên du lịch cho khách du lịch đến từ Trung Quốc.</p>
16. Khả năng nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học trong và ngoài nước.</li> <li>- Vận dụng được kiến thức đã học để tiếp cận, nắm bắt, vận dụng vào những lĩnh vực chuyên môn chưa học chuyên sâu ở nhà trường.</li> <li>- Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí giảng dạy tiếng Trung ở các trường đại học, cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác.</li> </ul>
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	<p>1. CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đại học chính quy Đại học Hà Nội, mã số 7220204</p> <p>2. CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh.</p>
18. Thời điểm cập nhật bản CTĐT:	2019

## **B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)**

#### **1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- **PO1:** Có kiến thức khoa học xã hội, nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo;
- **PO2:** Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Trung Quốc;
- **PO3:** Được trang bị những kiến thức cần thiết về lý luận, kỹ năng biên phiên dịch; về kinh tế thương mại, nghiệp vụ khách sạn du lịch, thư ký văn phòng;
- **PO4:** Có khả năng giải quyết các vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, có năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp, quản lý và lãnh đạo;

### **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo “Cử nhân ngôn ngữ Trung Quốc”, người học có khả năng:

#### **2.1.1 Kiến thức**

- PLO1: Vận dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung (đạt chuẩn đầu ra bậc 4 theo thang ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, hoặc cấp 4 chuẩn đánh giá năng lực tiếng Trung HSK của Trung Quốc Đại lục, hoặc cấp 4 chuẩn đánh giá năng lực tiếng Hoa TOCFL của Đài Loan hoặc các chuẩn tương đương khác);
- PLO2: Áp dụng được các kiến thức trong các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, văn hóa, kinh tế, chính trị, pháp luật;
- PLO3: Phân tích được các vấn đề văn hóa xã hội, lịch sử, ngôn ngữ, văn học của Trung Quốc;
- PLO4: Ứng dụng được công nghệ thông tin (đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản);

#### **2.1.2 Kỹ năng**

- PLO5: Giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân;

- PLO6: Giải quyết các vấn đề phức tạp;
- PLO7: Tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp;
- PLO8: Biên, phiên dịch liên quan đến tiếng Trung Quốc, đặc biệt là trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch, thương mại, văn phòng;
- PLO9: Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động cụ thể liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc;
- PLO10: Sử dụng được ngoại ngữ 2 (đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam bậc 3/6 đối với tiếng Anh hoặc bậc 2/6 đối với các ngôn ngữ khác hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác).

### 2.1.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Có ý thức trách nhiệm công dân, có tác phong chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp;
- PLO12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.

### III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<p><b>Mục tiêu chung:</b> Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.</p>													
<b>Mục tiêu cụ thể:</b>													
PO1.	Có kiến thức khoa học xã hội, nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo	X	X	X									
PO2.	Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Trung Quốc				X	X	X						

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
PO3.	Được trang bị những kiến thức cần thiết về lý luận, kỹ năng biên phiên dịch; về kinh tế thương mại, nghiệp vụ khách sạn du lịch, thư ký văn phòng									X	X	X				
PO4.	Có khả năng giải quyết các vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, có năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp, quản lý và lãnh đạo												X	X	X	

**IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):**

Khung trình độ quốc gia CDR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X	X												
PLO 2	X	X													
PLO 3									X		X				
PLO 4	X	X													
PLO 5				X						X					
PLO 6					X	X		X	X						
PLO 7							X								
PLO 8								X		X					

PLO 9													X		X
PLO 10													X		
PLO 11													X	X	
PLO 12													X		

### Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<b>Bậc 6 (Đại học)</b>		
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>
<b>Bậc 7 (Thạc sĩ)</b>		
<p>KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực</p>	<p>KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;</p> <p>KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề</p>	<p>TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.</p>

<p>ngiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.</p> <p>KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.</p>	<p>chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</p> <p>TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>
<b>Bậc 8 (Tiến sĩ)</b>		
<p>KT1: Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học;</p> <p>KT2: Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT3: Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.</p> <p>KT4: Kiến thức về quản trị tổ chức.</p>	<p>KN1: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.</p> <p>KN2: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.</p> <p>KN3: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</p> <p>KN4: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.</p> <p>KN5: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.</p>	<p>TCTN1: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.</p> <p>TCTN2: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.</p> <p>TCTN3: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</p> <p>TCTN4: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.</p> <p>TCTN5: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.</p>

**Trưởng khoa**

(Ký và ghi rõ họ tên)